

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CN QUẢNG NINH
Số: 805/QĐ-ĐHCNQ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Quảng Ninh, ngày 29 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v miễn giảm học phí học kì I năm học 2023 – 2024 cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Công văn số 5459/BGDĐT-KHTC ngày 01/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục năm học 2023 – 2024;

Căn cứ Quyết định số 221/QĐ-HĐT ngày 13/6/2022 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Căn cứ hồ sơ chế độ chính sách và đơn đề nghị xin miễn, giảm học phí của sinh viên;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn, giảm học phí học kì I năm học 2023- 2024 cho 33 sinh viên (Có danh sách chi tiết kèm theo).

Số tiền: 114.622.250 đồng

(Bằng chữ: Một trăm mười bốn triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Điều 2. Trưởng các đơn vị trong toàn trường và các sinh viên có tên ở Điều 1 căn cứ Quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Giám hiệu;
- Như điều 2;
- Lưu VT, CTSV.

HIỆU TRƯỞNG 

TS. Hoàng Hùng Thắng

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 81, NGÀY 27 THÁNG 8 NĂM 2021 CỦA CHÍNH PHỦ**

Học Kỳ I năm học 2023 - 2024

(Kèm theo Quyết định số: 805/QĐ - ĐHCNQN, ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng trường đại học Công nghiệp Quảng Ninh)

DVT: Đồng

TT	Họ và tên HSSV	Lớp	MSSV	Đối tượng	Học phí			Số tín chỉ	Mức học phí đồng/tín chỉ	Học phí phải nộp	Số tiền miễn giảm	Ghi chú
					Miễn 100%	Giảm 70%	Giảm 50%					
	1	2	3	4	(1)	(0,7)	(0,5)	6	7	8=6x7	9=5x8	10
I	Tổng số: Đối tượng miễn học phí											
1	Tổng số người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng theo Pháp lệnh ưu đãi người có công											
										28.708.000	28.708.000	
1	Lê Bảo Khang	TĐHK13	CQ13DH0226	Con người nhiễm CDHH	1			15	316.000	4.740.000	4.740.000	
2	Nguyễn Thu Hương	Kế toán K14	CQ14DH0073	CTB 06	1			21	265.000	5.565.000	5.565.000	
3	Lê Hoàng Phúc	Điện tử K15	CQ15DH0096	CTB 06	1			21,0	325.000	6.825.000	6.825.000	
2	Sinh viên khuyết tật											
4	Trịnh Xuân Trung	CN Phần mềm K15	CQ15DH0175	SV khuyết tật	1			20	308.000	6.160.000	6.160.000	
5	Nguyễn Thành Trung	Kế toán K15	CQ15DH0203	SV khuyết tật	1			21,0	258.000	5.418.000	5.418.000	
II	Tổng số: Đối tượng giảm học phí (1+2)											
1	Tổng số đối tượng giảm 70% học phí											
										169.228.500	85.914.250	
6	Nguyễn Thiện Quang	TĐH K15B	CQ15DH0144	DTTS ở thôn bản ĐBKK		0,7		20	325.000	6.500.000	4.550.000	
2	Tổng số đối tượng giảm 50% học phí											
										162.728.500	81.364.250	
7	Bùi Huy Việt	CNPM K13	CQ13DH0323	Con CNBNN			0,5	14	316.000	4.424.000	2.212.000	
8	Đặng Minh Hiếu	Điện lạnh K13	CQ13DH0058	Con CNBNN			0,5	17	316.000	5.372.000	2.686.000	
9	Vũ Hoàng Trung Đức	KT Điện K13	CQ13DH0387	Con CNTNLD			0,5	15	316.000	4.740.000	2.370.000	

TT	Họ và tên HSSV	Lớp	MSSV	Đối tượng	Học phí			Số tín chỉ	Mức học phí đồng/tín chỉ	Học phí phải nộp	Số tiền miễn giảm	Ghi chú	
					Miễn	Giảm	Giảm						
					100 % (1)	70% (0,7)	50% (0,5)						
10	4	Vũ Minh Đức	CĐ - TTK13	CQ13DH0442	Con CNBNN			0,5	15	316.000	4.740.000	2.370.000	
11	5	Phạm Xuân Hoàng	QTKDK14	CQ14DH0118	Con CNBNN			0,5	18	265.000	4.770.000	2.385.000	
12	6	Lê Ngọc Chiến	QTKDK14	CQ14DH0193	Con CNTNLD			0,5	18	265.000	4.770.000	2.385.000	
13	7	Nguyễn Văn Hưng	TĐH K14	CQ14DH0039	Con CNBNN			0,5	21	316.000	6.636.000	3.318.000	
14	8	Nguyễn Văn Huy	Kế toán K14	CQ14DH0205	Con CNBNN			0,5	21	265.000	5.565.000	2.782.500	
15	9	Vũ Đức Tâm	KTĐ K14	CQ14DH0082	Con CNBNN			0,5	20	316.000	6.320.000	3.160.000	
16	10	Hoàng Lê Thảo Nguyên	Kế toán 14	CQ14DH0192	Con CNTNLD			0,5	21	265.000	5.565.000	2.782.500	
17	11	Phạm Huyền Trang	Kế toán 14	CQ14DH0196	Con CNBNN			0,5	21	265.000	5.565.000	2.782.500	
18	12	Lưu Minh Tân	Kế toán K14	CQ14DH0190	Con CNBNN			0,5	21	265.000	5.565.000	2.782.500	
19	13	Đình Văn Chung	KTĐ K14	CQ14DH0296	Con CNBNN			0,5	20	316000	2.528.000	1.264.000	SV bị BTH ngày 29/9/2023
20	14	Mac Văn Dũng	TĐH K15A	CQ15DH0109	Con CNTNLD			0,5	20	325.000	6.500.000	3.250.000	
21	15	Đầu Thị Lan Anh	Kế toán K15	CQ15DH0229	Con CNBNN			0,5	21	258.000	5.418.000	2.709.000	
22	16	Vũ Tuấn Minh	TĐH K15B	CQ15DH0127	Con CNBNN			0,5	20	325.000	6.500.000	3.250.000	
23	17	Trương Tiến Toàn	QTKD K15	CQ15DH0226	Con CNTNLD			0,5	21	258.000	5.418.000	2.709.000	
24	18	Bùi Quang Tùng	TĐH K15B	CQ15DH0140	Con CNTNLD			0,5	20	325.000	6.500.000	3.250.000	
25	19	Nguyễn Thế Tuấn	TĐH K15B	CQ15DH0139	Con CNBNN			0,5	20,0	325.000	6.500.000	3.250.000	
26	20	Bùi Đức Hải	Điện tử K15	CQ15DH0092	Con CNBNN			0,5	21,0	325.000	6.825.000	3.412.500	
27	21	Bùi Ngọc Hùng	TĐH K15A	CQ15DH0150	Con CNTNLD			0,5	20,0	325.000	6.500.000	3.250.000	
28	22	Cao Văn Thái	CK Ô tô K15	CQ15DH0024	Con TNLD			0,5	22,0	325.000	7.150.000	3.575.000	HK2 (22-23)
		Cao Văn Thái	CK Ô tô K15	CQ15DH0024	Con TNLD			0,5	20,0	325.000	6.500.000	3.250.000	HK1 (23 - 24)
29	23	Trần Minh Quang	TĐH K16	CQ16DH0374	Con TNLD			0,5	21,5	325.000	6.987.500	3.493.750	

TT	Họ và tên HSSV	Lớp	MSSV	Đối tượng	Học phí			Số tín chỉ	Mức học phí đồng/tín chỉ	Học phí phải nộp	Số tiền miễn giảm	Ghi chú	
					Miễn 100%	Giảm 70%	Giảm 50%						
					(1)	(0,7)	(0,5)						
30	24	Đỗ Hoàng Thanh Ngân	Kế toán K16	CQ16DH0648	Con TNLD			0,5	21,5	265.000	5.697.500	2.848.750	
31	25	Lê Việt Hoàn	TĐH K16	CQ16DH0408	Con TNLD			0,5	21,5	325.000	6.987.500	3.493.750	
32	26	Vũ Lê Anh Tuấn	CNCK ô tô K16	CQ16DH0179	Con TNLD			0,5	21,5	325.000	6.987.500	3.493.750	
33	27	Nguyễn Hà Giang	TCNH K16	CQ16DH0478	Con TNLD			0,5	21,5	265.000	5.697.500	2.848.750	
Tổng cộng (I+ II)											197.936.500	114.622.250	

Bảng chữ: Một trăm mười bốn triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn hai trăm năm mươi đồng



TS. Hoàng Hùng Thắng

KẾ TOÁN TRƯỞNG ✓

Cát Thị Thu Hường

TP. CÔNG TÁC SINH VIÊN

Nguyễn Mạnh Cường